

## REVIEW OF SOME CHARACTERISTICS OF PREGNANT TEENAGE WOMEN WHO COME TO TERMINATE PREGNANCY AT HANOI OBSTETRICS AND GYNECOLOGY HOSPITAL FROM 8/2024-8/2025

Tran Bao Chau\*, Nguyen Thi Thu Phuong

*Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital, campus 2 - 38 Cam Hoi, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City, Vietnam*

Received: 24/09/2025

Revised: 07/10/2025; Accepted: 27/11/2025

### ABSTRACT

**Objective:** Review of some characteristics of pregnant adolescent women who come to terminate pregnancy at Hanoi Obstetrics and Gynecology Hospital.

**Method:** Cross-sectional study description.

**Results:** The study was conducted on 102 pregnant adolescent women. The age distribution of adolescent pregnant women in the age groups 10-13, 14-16, 17-18 is 0.98%, 30.39%, 68.63% respectively. The rate of adolescent pregnant women with insufficient knowledge about reproductive health is 70.69%. The frequency of contraceptive use in adolescent pregnant women in three groups of regular use, irregular use, and no use is 5.88%, 45.1%, 49.02% respectively.

**Conclusion:** Sex education and reproductive health play a crucial role in influencing adolescent behavior on this issue. Therefore, it is necessary to promote education to limit unwanted pregnancies among adolescents.

**Keywords:** Adolescents, pregnancy termination, unwanted pregnancy.

---

\*Corresponding author

**Email:** dr.tranbaochau@gmail.com **Phone:** (+84) 912906016 **Doi:** 10.52163/yhc.v66iCD23.3921

# NHẬN XÉT MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM Ở THAI PHỤ VỊ THÀNH NIÊN ĐẾN ĐÌNH CHỈ THAI NGHÉN TẠI BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HÀ NỘI TỪ THÁNG 8/2024-8/2025

Trần Bảo Châu\*, Nguyễn Thị Thu Phương

Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội, cơ sở 2 - 38 Cẩm Hội, P. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 24/09/2025

Ngày sửa: 07/10/2025; Ngày đăng: 27/11/2025

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Nhận xét một số đặc điểm của thai phụ vị thành niên đến đình chỉ thai tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

**Phương pháp:** Mô tả tiến cứu cắt ngang.

**Kết quả:** Nghiên cứu thực hiện trên 102 thai phụ trong độ tuổi vị thành niên. Phân bố theo tuổi của thai phụ vị thành niên với các nhóm tuổi 10-13, 14-16, 17-18 lần lượt là 0,98%, 30,39%, 68,63%. Tỷ lệ thai phụ vị thành niên không có đủ kiến thức về sức khỏe sinh sản chiếm 70,69%. Tần suất sử dụng biện pháp tránh thai ở thai phụ tuổi vị thành niên theo 3 nhóm sử dụng thường xuyên, sử dụng không thường xuyên, không sử dụng lần lượt là 5,88%, 45,1% và 49,02%.

**Kết luận:** Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản có vai trò cốt yếu trong sự ảnh hưởng tới hành vi của trẻ vị thành niên về vấn đề này. Do đó cần đẩy mạnh công tác giáo dục để hạn chế tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở trẻ vị thành niên.

**Từ khóa:** Vị thành niên, đình chỉ thai nghén, mang thai ngoài ý muốn.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vị thành niên là một khái niệm chưa được thống nhất trên thế giới. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, độ tuổi vị thành niên thuộc lứa tuổi 10-19 tuổi. Vị thành niên là giai đoạn chuyển đổi quan trọng từ thiếu niên sang người lớn. Giai đoạn này có nhiều biến động, phát triển phức tạp hơn các giai đoạn trước [1].

Theo báo cáo của Quỹ Dân số Liên hợp quốc năm 2022, Việt Nam thuộc nhóm 20 nước có tỷ lệ phá thai vị thành niên cao nhất thế giới với khoảng 300.000 ca mỗi năm. Trong số này 30% là phụ nữ từ 15-19 tuổi, với 70% là học sinh, sinh viên. Theo thống kê của Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam, mỗi năm cả nước có 1,2-1,6 triệu ca nạo phá thai, trong đó 20% ở lứa tuổi vị thành niên. Theo khảo sát tại Thái Bình, 1/3 trường hợp phá thai to là thai phụ vị thành niên, tỷ lệ này tại Hải Phòng là 17,3% [2].

Thực trạng phá thai ở tuổi vị thành niên đang giống lên hồi chuông báo động và là mối quan tâm trọng yếu của nhiều quốc gia. Chính vì vậy, việc hiểu rõ về đặc điểm của thai phụ vị thành niên đến phá thai, các phương pháp đình chỉ thai được lựa chọn, kết quả điều trị, để từ đó phục vụ cho công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, hoạt động chuyên môn

tư vấn, phương pháp đình chỉ thai hiệu quả an toàn đối với thai phụ vị thành niên là một việc làm rất cấp thiết. Do vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu nhận xét một số đặc điểm của thai phụ vị thành niên đến đình chỉ thai tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

## 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các thai phụ đến phá thai là trẻ vị thành niên (dưới 18 tuổi) có tuổi thai dưới 22 tuần tại Khoa Sinh đẻ - Kế hoạch hóa gia đình, Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

### 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu từ ngày 1/8/2024 đến ngày 1/8/2025 tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội.

### 2.3. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả tiến cứu cắt ngang.

### 2.4. Cỡ mẫu, phương pháp chọn mẫu

Lấy mẫu thuận tiện. Nghiên cứu lấy được 102 trường hợp thai phụ vị thành niên.

\*Tác giả liên hệ

Email: dr.tranbaochau@gmail.com Điện thoại: (+84) 912906016 Doi: 10.52163/yhc.v66iCD23.3921

## 2.5. Phân tích xử lý số liệu

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 102)**

| Đặc điểm         |                                   | n  | %     |
|------------------|-----------------------------------|----|-------|
| Tuổi thai phụ    | 10-13                             | 1  | 0,98  |
|                  | 14-16                             | 31 | 30,39 |
|                  | 17-18                             | 70 | 68,63 |
| Trình độ học vấn | Chưa tốt nghiệp trung học cơ sở   | 12 | 11,76 |
|                  | Đang học trung học phổ thông      | 60 | 58,82 |
|                  | Đã tốt nghiệp trung học phổ thông | 30 | 29,42 |
| Địa chỉ          | Hà Nội                            | 62 | 60,78 |
|                  | Tỉnh khác                         | 40 | 39,22 |
| Nơi sinh sống    | Sống cùng bố mẹ                   | 82 | 80,39 |
|                  | Ở trọ                             | 20 | 19,61 |

Nghiên cứu ghi nhận tuổi thai phụ lớn nhất là 18 tuổi và thấp nhất là 13 tuổi; nhóm tuổi thai phụ nhiều nhất là 17-18 tuổi với 70 trường hợp (68,63%), nhóm tuổi thai phụ ít nhất là 10-13 tuổi với 1 trường hợp (0,98%). Trình độ học vấn của các đối tượng nghiên cứu chủ yếu là đang học trung học phổ thông với 60 trường hợp (58,82%), nhóm đã tốt nghiệp trung học phổ thông có 30 trường hợp (29,42%), nhóm chưa tốt nghiệp trung học cơ sở có 12 trường hợp (11,76%). Nơi sinh sống của đối tượng nghiên cứu chủ yếu là ở Hà Nội với 62 trường hợp (60,78%), các tỉnh khác là 40 trường hợp (39,22%). Các đối tượng nghiên cứu chủ yếu hiện đang sống cùng bố mẹ với 82 trường hợp (80,39%), ở trọ có 20 trường hợp (19,61%).

**Bảng 2. Kiến thức và hành vi về sức khỏe sinh sản của thai phụ vị thành niên (n = 102)**

| Kiến thức, hành vi                   |                    | n  | %     |
|--------------------------------------|--------------------|----|-------|
| Kiến thức về sức khỏe sinh sản       | Đạt                | 32 | 32,31 |
|                                      | Không đạt          | 70 | 70,69 |
| Hành vi sử dụng biện pháp tránh thai | Thường xuyên       | 6  | 5,88  |
|                                      | Không thường xuyên | 46 | 45,10 |
|                                      | Không sử dụng      | 50 | 49,02 |

Nghiên cứu ghi nhận 32 trường hợp (32,31%) có

kiến thức sức khỏe sinh sản ở mức đạt, trong đó có 6 trường hợp có kiến thức sức khỏe sinh sản ở mức tốt (trên 7 điểm); có 70 trường hợp (70,69%) có kiến thức sức khỏe sinh sản ở mức không đạt. Tần suất sử dụng biện pháp tránh thai của đối tượng nghiên cứu chủ yếu là không sử dụng hoặc sử dụng không thường xuyên, tương ứng với 50 và 46 trường hợp (49,02% và 45,1%); có 6 trường hợp (5,88%) sử dụng biện pháp tránh thai thường xuyên.

## 4. BÀN LUẬN

Tuổi đối tượng nghiên cứu tập trung chủ yếu từ 14-18 tuổi, trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất là nhóm từ 17-18 tuổi với 70 trường hợp (68,63%), sau đó là nhóm 14-16 tuổi với 31 trường hợp (30,39%). Chiếm tỷ lệ ít nhất là nhóm tuổi 10-13 tuổi với 1 trường hợp (0,98%).

Đối tượng nghiên cứu là những thai phụ vị thành niên, với độ tuổi từ 10-18 tuổi. Tuy nhiên nhóm tuổi tập trung chủ yếu là từ 14-18 tuổi, đây là các trường hợp đã và đang trải qua độ tuổi dậy thì, có những tò mò về sức khỏe sinh sản và những biến đổi của cơ thể trong giai đoạn dậy thì. Bên cạnh đó, sự phát triển của mạng xã hội và các phương tiện truyền thông có thể đem lại những hiểu biết, nhưng chưa đầy đủ về vấn đề sức khỏe sinh sản. Do đó, tình trạng mang thai ngoài ý muốn của độ tuổi vị thành niên trong nghiên cứu phân bố nhiều ở nhóm tuổi 14-18, và nhiều nhất là nhóm 17-18 tuổi. Sự phân bố này có sự tương quan giống với công bố của Tổ chức Y tế Thế giới về độ tuổi hay gặp tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở vị thành niên.

Trình độ học vấn của đối tượng nghiên cứu chủ yếu là đang học trung học phổ thông với 62 trường hợp (58,82%), sau đó là nhóm có trình độ học vấn đã tốt nghiệp trung học phổ thông với 30 trường hợp (29,42%). Nhóm đối tượng nghiên cứu chưa tốt nghiệp trung học cơ sở có 12 trường hợp (11,76%).

Việt Nam là một đất nước đang phát triển, với chính sách phổ cập giáo dục cho tất cả các trẻ em trên toàn đất nước. Các trẻ vị thành niên trong đối tượng nghiên cứu đều đang trong độ tuổi đi học. Sự phân bố tuổi của đối tượng nghiên cứu nằm chủ yếu trong nhóm 14-18 tuổi, trong đó nhiều nhất là nhóm 17-18 tuổi. Do vậy, đối tượng nghiên cứu chủ yếu đang học trung học phổ thông là phù hợp với phân bố độ tuổi của đối tượng nghiên cứu. Có 30 trường hợp (29,42%) đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đang học ở các bậc đại học, trung cấp. Do nghiên cứu có cách tính tuổi đến hết tháng sinh, nên các đối tượng này vẫn thuộc nhóm vị thành niên. Trong 12 trường hợp chưa tốt nghiệp trung học cơ sở, có 11 trường hợp đang học lớp 9, năm cuối cấp 2. Nghiên cứu ghi nhận 1 trường hợp 13 tuổi đang học lớp 7.

Sự phân bố về hành vi sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp với thực trạng mang thai ngoài ý muốn ở

đối tượng nghiên cứu. Việc không sử dụng biện pháp tránh thai hoặc sử dụng không thường xuyên chiếm tới 94,12% đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu chỉ ghi nhận duy nhất 2/6 trường hợp sử dụng biện pháp tránh thai thường xuyên (sử dụng thuốc tránh thai hàng ngày), 4/6 trường hợp còn lại sử dụng biện pháp xuất tinh ngoài âm đạo và thuốc tránh thai khẩn cấp, đây đều là những biện pháp tránh thai không an toàn.

Năm 2024, một nhóm tác giả tại Hoa Kỳ đã có khảo sát nghiên cứu về việc sử dụng biện pháp tránh thai của các học sinh trung học. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong vòng 5 năm từ năm 1990-1995, việc sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục đã tăng từ 46% lên 54% [3].

Năm 2020, Szucs L.E và cộng sự đã công bố một khảo sát về việc sử dụng biện pháp tránh thai ở học sinh trung học tại Hoa Kỳ. Nghiên cứu được thực hiện trên 3226 học sinh tại các trường trung học, theo đó có 89,7% sử dụng bao cao su là biện pháp tránh thai chủ yếu, nhưng không thường xuyên. Nghiên cứu chỉ ghi nhận 27,4% đối tượng nghiên cứu sử dụng bao cao su thường xuyên khi quan hệ tình dục [4].

Như vậy, có thể thấy việc giáo dục giới tính có ảnh hưởng rất lớn tới hành vi tình dục của nhóm đối tượng vị thành niên. Những nghiên cứu tại Hoa Kỳ trong nhiều thập kỷ đã chứng minh được vai trò mạnh mẽ của công tác giáo dục sức khỏe sinh sản, nhờ vậy cũng hạn chế được tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở trẻ vị thành niên.

## 5. KẾT LUẬN

Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản có vai trò cốt yếu trong sự ảnh hưởng tới hành vi của trẻ vị thành niên về vấn đề này. Do đó cần đẩy mạnh công tác giáo dục để hạn chế tình trạng mang thai ngoài ý muốn ở trẻ vị thành niên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo động tình trạng vị thành niên, thanh niên thiếu kiến thức về sức khỏe sinh sản. <http://www.baohoaabinh.com.vn/278/124760/Bao-dong-tinh-trang-vi-thanh-nien,-thanh-nien-thieu-kien-thuc-ve-suc-khoe-sinh-san.htm>
- [2] Hội Kế hoạch hóa gia đình Việt Nam, EU/UN-FPA HhkhghđQT. Vị thành niên họ là ai, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Dự án RAS/98/P19, 2005: 7-21
- [3] Zamponi V, Mazzilli R, Nimbi F.M et al. Sexual and reproductive health: level of knowledge and source of information in adolescence. J Sex Med, 2024, 21 (10): 872-877
- [4] Szucs L.E, Andrzejewski J.D, Robin L, Telljohann S, Pitt Barnes S, Hunt P. The health education teacher instructional competency framework: A conceptual guide for quality instruction in school health. j sch health, 2021, 91 (10): 774-787.

